

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: *11* /TTr- CNG

Vũng Tàu, ngày *11* tháng 04 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ lần thứ 11 của Công ty đã được Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 10/04/2015;

Để phù hợp với Luật Doanh Nghiệp hiện hành số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, CNG Việt Nam đã tiến hành chỉnh sửa Điều lệ của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ công ty như Phụ lục đính kèm.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS; BGD;
- Lưu VT; KHĐT. S.02

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Tuấn Ngọc

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
(kèm theo Tờ trình số 11 /TTr-CNG ngày 11 tháng 04 năm 2016)

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
1.	Thuật ngữ “thành viên Ban kiểm soát”	Sửa thành “Kiểm soát viên”	Phù hợp với Điều 163 LDN
2.	Thuật ngữ “Tổng giám đốc”	Sửa thành “Giám đốc”	Phù hợp với các Đơn vị cùng ngành.
3.	Điểm a, Khoản 1, Điều 1: "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.	"Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.	Sửa đổi theo qui định của Khoản 29, Điều 4 LDN 2014
4.	Bổ sung thêm định nghĩa vào khoản 1, Điều 1	“Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty	Sửa đổi theo Điều 4.2 LDN 2014
5.	Bổ sung thêm định nghĩa vào khoản 1, Điều 1	“Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính	Sửa đổi theo điều 4.3 LDN 2014
6.	Bổ sung thêm các định nghĩa đ vào Khoản 1, Điều 1	- “Ngày” là ngày theo lịch, bao gồm cả ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết). - “Ngày làm việc” là “ngày” không bao gồm những ngày nghỉ. - “Đa số” là trên 50%.	Bổ sung thêm để tránh xung đột trong việc hiểu các thuật ngữ của Điều lệ.
7.	Khoản 4, Điều 2: Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho	Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của	

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.	người đại diện theo pháp luật của Công ty.	
8.	Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh vào Khoản 1, Điều 3	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công ten - nơ	Theo Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 và Thông tư 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014
9.	Khoản 1, Điều 4: “Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty”	“Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này”.	Sửa đổi theo qui định tại Điều 7 và Điều 29 LDN 2014
10.	Khoản 5, Điều 7: Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công	Sửa đổi theo qui định của Khoản 3, Điều 120 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		<p>ty để tiêu hủy;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới, chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	
11.	Điểm e, Khoản 2, Điều 12: Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Sửa đổi theo quy định của Điểm đ, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014
12.	Điểm h, Khoản 2, Điều 12: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp	Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp	Điều tương ứng theo quy định trong LDN 2014
13.	Khoản 3, Điều 12: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:	Phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN 2014.
14.	Điểm c, khoản 3, Điều 12 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có	Xem xét, trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính	Phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 114 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;	giữa năm và hàng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát	
15.	Khoản 6, Điều 13: Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:....	Đề nghị bỏ	Do sự thay đổi của pháp luật: Điều 115 LDN 2014: quy định nghĩa vụ của cổ đông phổ thông không còn quy định nghĩa vụ này nữa
16.	Khoản 2, Điều 14: Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Bổ sung theo qui định mở tại Khoản 1, Điều 136 LDN 2014
17.	Khoản c, điểm 3, Điều 14: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ	Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với Điều điểm b Khoản 3 Điều 136 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
18.	Điểm b, c, Khoản 1, Điều 15: b. Báo cáo của Ban Kiểm soát. c. Báo cáo của Hội đồng quản trị.	b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;	Điều chỉnh theo qui định tại Điểm c, d, Khoản 2, Điều 136 LDN 2014
19.	Điểm g, h, m Khoản 2, Điều 15: g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm liên tiếp kể từ ngày thành lập. m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành	Đề nghị bỏ điểm g, h, m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại	Phù hợp Điều 143 LDN, để thuận tiện hơn cho Công ty không phải tổ chức ĐHĐCĐ bất thường (có thể xin ý kiến bằng văn bản các vấn đề nói trên) Phù hợp với điểm g, Điều 135 LDN
20.	Điểm i Khoản 2, Điều 15: i. Chia, tách, hợp nhất hoặc chuyển đổi Công ty.	Đề nghị bỏ điểm i	Phù hợp với quy định tại khoản 25 Điều 4 LDN (điểm i đã thể hiện tại điểm j khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty),
21.	Điểm n, khoản 2, Điều 15: Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT	Đề nghị bỏ điểm này	Để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 152
22.	Điểm o, Khoản 2, Điều 15: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được	Đề nghị bỏ điểm này	Trong LDN 2014 cho phép có thể lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản trong nội dung này.

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;		Do vậy, không nhất thiết phải ĐHĐCĐ trực tiếp hoặc ĐHĐCĐ bất thường.
23.	Bổ sung thêm khoản 3 Điều 15, (khoản 3 Điều 15 hiện hành chuyển thành khoản 4)	3.Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần. c. Các vấn đề khác.	Bổ sung đề phù hợp với Điều 143 LDN 2014.
24.	Mục a, Khoản 3, Điều 15: Các hợp đồng quy định tại 15.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	Các hợp đồng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 28 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	
25.	Khoản 1, Điều 16: Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ	Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo qui định tại Điểm b, Khoản 2, và Khoản 3 Điều 15 LDN 2014 (Qui định mới trong LDN 2014)

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.	
26.	Điểm b, khoản 2, Điều 16: Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được uỷ quyền dự họp	Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được uỷ quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo uỷ quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo uỷ quyền	Bổ sung theo qui định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 15 LDN 2014
27.	Điểm a, Khoản 2, Điều 18: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.	Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Phù hợp với khoản 1 Điều 137 LDN 2014
28.	Khoản 3, Điều 18		Phù hợp với khoản 1 Điều 139

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	...Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông,...	...Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông,...	LDN 2014
29.	Khoản 5b, Điều 18: Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng	Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng	Đề phù hợp với Điều 12.3 Điều lệ Công ty và Phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN 2014
30.	Khoản 2, Điều 22: Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến	Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến	Phù hợp với Khoản 3, Điều 18 và Phù hợp với khoản 1 Điều 139 LDN 2014
31.	Điểm a, Khoản 5, Điều 22: Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;	Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Chỉnh sửa theo qui định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 145 LDN 2014
32.	Điều 23. “..... Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ	“..... Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi gửi biên bản....”	Sửa để phù hợp với Điều 147 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	khi gửi biên bản...”		
33.	Điều 24: “Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát....”	“Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này , thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng giám đốc, có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét...”	Sửa để phù hợp với Điều 147 LDN 2014
34.	Khoản 1, Điều 25: ... Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. ..	Đề nghị bỏ	Phù hợp với quy định tại Điều 150, LDN 2014 chỉ quy định nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
35.	Khoản 1, Điều 25: ...Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế...	... Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực..	
36.	Khoản 2, Điều 25: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc	Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số	Phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN 2014 và Khoản 3, Điều 12 Điều lệ Công ty.

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;....và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên ;..... và từ 80% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	
37.	Bổ sung thêm Khoản 3, 4 Điều 25 (Khoản 3, 4,5,6,7 Điều 25 hiện hành thành Khoản 5,6,7,8,9)	<p><u>Khoản 3, Điều 25:</u> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật doanh nghiệp. b. Có trình độ học vấn, có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức quản trị doanh nghiệp. c. Có hiểu biết luật pháp. d. Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động của Công ty. e. Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết. f. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. 	Phù hợp với Điều 151 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		<p>Khoản 4, Điều 25: Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>Ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật chứng khoán.</p>	
38.	<p>Mục c, Khoản 4, Điều 26:</p> <p>Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p>Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135, khoản 1 và 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p>Điều chỉnh theo qui định tại Khoản 2, Điều 149 LDN 2014</p>
39.	<p>Khoản 1, Điều 27:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức</p>	<p>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc điều hành của Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với qui định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 152 LDN 2014 (Công ty CP do nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số CP có quyền biểu quyết thì CT.HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc)</p>

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên		
40.	Khoản 1, Điều 29: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Đề nghị bỏ khoản này	Vì sửa đổi Điều lệ đã bỏ quy định “nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị” nên nếu để khoản này sẽ không có ý nghĩa.
41.	Khoản 4, Điều 29: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp...	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp	Điều chỉnh theo qui định mới tại Khoản 5, Điều 153 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
42.	<p>Khoản 8, Điều 29:</p> <p>a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.</p>	<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Điều chỉnh theo qui định mới tại Khoản 8, Điều 153 LDN 2014</p>
43.	<p>Đề nghị bổ sung 01 Điều sau Điều 29</p>	<p>Điều 30. Hợp đồng giao dịch của Công ty với “Người có liên quan”:</p> <p>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài</p>	<p>Bổ sung để làm rõ phương thức thực hiện theo qui định tại Điều 162 LDN 2014</p>

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		<p>chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu</p>	

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		biểu quyết còn lại tán thành. 3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
44.	Khoản 2, Điều 32: Nhiệm kỳ: Theo Điều 27 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm...	Đề bỏ nội dung: Nhiệm kỳ: Theo Điều 27 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị	Phù hợp với Khoản 1 Điều 27 và Khoản 1 và khoản 2 Điều 152 LDN 2014
45.	Điều 33. Thư ký Công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm	Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng	Sửa để phù hợp với theo qui định tại Khoản 5, Điều 152 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	<p>Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Làm biên bản các cuộc họp;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của</p>	<p>cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	pháp luật và Điều lệ Công ty.		
46.	Khoản 1, Điều 37: ...Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.	...Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên	Điều chỉnh theo qui định sửa đổi tại Khoản 2, Điều 163 và Khoản 2, Điều 164 LDN 2014
47.	Khoản 1, Điều 37: Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	Đề nghị bỏ nội dung này	Cho phù hợp với Khoản 2, Điều 163 và Khoản 2, Điều 164 LDN 2014
48.	Khoản 2, Điều 37: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; ...	Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; ...	Phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN 2014 và Khoản 3, Điều 12 Điều lệ Công ty.

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
49.	Chương XV: Trách nhiệm công bố thông tin	<p>Bổ sung thêm 2 Điều sau Điều 49: Bổ sung Điều 50: Công bố thông tin định kỳ</p> <p>1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin cơ bản về công ty và điều lệ công ty;</p> <p>b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;</p> <p>c) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>d) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo;</p> <p>e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;</p> <p>g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.</p> <p>2. Báo cáo thực trạng quản trị công ty bao gồm</p>	Theo các qui định tại Điều 108 và 109 và 171 LDN 2014

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		<p>các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;</p> <p>b) Thông tin về người quản lý công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý công ty;</p> <p>c) Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;</p> <p>d) Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;</p> <p>đ) Thông tin về Đại hội người lao động; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động;</p> <p>e) Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát,</p>	

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		<p>Kiểm soát viên;</p> <p>g) Thông tin về các bên có liên quan của công ty, giao dịch của công ty với bên có liên quan;</p> <p>h) Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.</p> <p>5. Và các quy định khác theo quy định về công bố thông tin.</p> <p>Bổ sung Điều 51. Công bố thông tin bất thường</p> <p>1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn quy định về công bố thông tin, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:</p> <p>a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị</p>	

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		<p>phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;</p> <p>b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của công ty;</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;</p> <p>d) Thay đổi người quản lý công ty, gồm thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng;</p> <p>đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp;</p> <p>e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài</p>	

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
		chính; h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác. 2. Và các quy định khác theo quy định về công bố thông tin.	
50.	Điều 46: Con dấu 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. HĐQT quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp. 2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. Hội đồng quản trị, Giám đốc, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.	Điều chỉnh theo qui định mới tại Điều 44 LDN 2014
51.	Khoản 2, Điều 57:	Đề nghị bỏ nội dung này	Do Điều lệ công ty không bắt

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
	<p>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.</p> <p>b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.</p> <p>04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p>		<p>buộc phải nộp tại các địa điểm như quy định.</p>
52.	<p>Điều 58: Chữ ký của các cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Đề nghị bỏ nội dung này</p>	<p>Chữ ký người đại diện theo pháp luật đã được thực hiện khi làm thủ tục thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật với cơ quan có thẩm quyền</p>